

# LIÊN KẾT BẢO HỘ SỞ HỮU TRÍ TUỆ GIỮA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

 NGUYỄN CHU DU - BÙI ĐOÀN TRANG\*

Ngày nhận: 25/6/2020

Ngày phản biện: 30/6/2020

Ngày duyệt đăng: 28/7/2020

**Tóm tắt:** Liên kết bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT) giữa trường đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) và doanh nghiệp (DN) trong Cách mạng công nghiệp 4.0 là nhu cầu khách quan xuất phát từ lợi ích của các bên. Trong đó, các doanh nghiệp là những nhà cung cấp thông tin để các cơ sở đào tạo nắm được nhu cầu của thị trường lao động và hoạt động của các trường ĐH, CĐ luôn hướng tới nhu cầu của các DN. Liên kết bảo hộ SHTT giữa trường ĐH, CĐ và các DN ở Việt Nam vừa mang tính tất yếu, vừa mang tính khả thi cao trong việc đáp ứng nhu cầu lao động trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động liên kết bảo hộ sở hữu trí tuệ còn chưa xứng tầm. Những tồn tại và hạn chế có nhiều nguyên nhân từ phía chủ quan của các DN, trường ĐH, CĐ và khách quan từ cơ chế chính sách của Nhà nước, trong đó có Luật SHTT.

**Từ khóa:** Sở hữu trí tuệ; trường Đại học; doanh nghiệp; liên kết bảo hộ.

## ASSOCIATION OF INTELLECTUAL PROPERTY BETWEEN UNIVERSITIES, COLLEGE AND UNITS AND ENTERPRISES IN VIETNAM IN THE INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0

**Abstract:** The association of intellectual property protection (IP) between Universities, Colleges (Universities, Colleges) and Enterprises (DN) in the Industrial Revolution 4.0 is an objective need stemming from the interests of the parties. In which, businesses are information providers for training institutions to understand the needs of the labor market and the activities of universities and colleges are always oriented towards the needs of businesses. The association of IP protection between universities, colleges and enterprises in Vietnam is both indispensable and highly feasible in meeting labor demand in enterprises. However, in reality, the association of intellectual property protection is not worthy. The shortcomings and limitations have many causes from subjective side of enterprises, universities, colleges and objectivity from the State's policies and mechanisms, including the IP Law.

**Keywords:** Intellectual property; University; enterprise; protection association.

### 1. Đặt vấn đề

Kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thì vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT) trong các trường đại học ngày càng trở quan trọng. Trường đại học là "cái nôi" sáng tạo ra nhiều tri thức của nhân loại. Các sản phẩm của tri thức trong trường đại học rất đa dạng và phong phú, tuy nhiên trong cuộc cách mạng điện tử viễn thông, những thành tựu của các thành quả nghiên cứu rất dễ dàng bị xâm phạm.

Do đó, việc liên kết bảo hộ SHTT trong các trường Đại học, Cao đẳng (ĐH, CĐ) với các đơn vị, các doanh nghiệp đã trở thành một xu hướng tất yếu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Việc liên kết bảo hộ SHTT giữa các trường ĐH, CĐ và các đơn vị, DN không chỉ góp phần nâng cấp và phát triển các trường ĐH, CĐ tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn hội nhập quốc

tế, bảo vệ quyền tác giả mà còn đáp ứng được yêu cầu của đơn vị, DN cũng như yêu cầu của đất nước trong cách mạng công nghiệp 4.0. Để việc liên kết bảo hộ SHTT giữa các trường ĐH, CĐ và các đơn vị, DN ở Việt Nam phát triển thuận lợi thì cần phải có một hệ thống cơ sở pháp lý vững chắc.

### 2. Cơ sở pháp lý liên kết bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa trường đại học, cao đẳng và các đơn vị, doanh nghiệp ở Việt Nam

Cùng quan điểm với pháp luật quốc tế và pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới, ở Việt Nam hiện nay đã công nhận SHTT là một trong những lĩnh vực thúc đẩy hoạt động đổi mới - sáng tạo để *phát triển tài sản trí tuệ quốc gia cả về số lượng và giá trị bảo hộ quyền SHTT của các tổ chức, cá*

\* Trường Đại học Công Đoàn

nhân nhằm mục đích khuyến khích hoạt động sáng tạo, phổ biến tiến bộ khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đấu mốc đầu tiên của hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ của Việt Nam là việc ký kết Hiệp định khung về hợp tác sở hữu trí tuệ giữa các nước ASEAN 1995. Sau đó, song song với quá trình đàm phán gia nhập WTO, Việt Nam bắt đầu đàm phán và ký kết các hiệp định hợp tác với Thụy Sĩ (1999); với Hoa Kỳ (2000); với Nhật Bản, Liên bang Nga (2008) và hàng loạt hiệp định hợp tác về khoa học kỹ thuật, trong đó có các điều khoản về SHTT. Hiện nay, Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế (ĐUQT) mang tính cốt lõi của hệ thống SHTT thế giới, như Công ước Pari (Paris) về Bảo hộ sở hữu công nghiệp; Công ước Bern (Berne) về Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật; Công ước Rô-mê (Rome) về Bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng; Công ước quốc tế UPOV về Bảo hộ giống cây trồng mới, Công ước Xtốc-khôm (Stockholm) về Việc thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)...; hay các ĐUQT về thuận lợi hóa thủ tục đăng ký quốc tế quyền SHTT, như Hiệp ước PCT về Hợp tác sáng chế; Thỏa ước và Nghị định thư Ma-đrít (Madrid) về Đăng ký quốc tế nhãn hiệu và hiện đang trong quá trình chuẩn bị gia nhập Hệ thống La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp.

Trong những năm qua, Nhà nước và các cơ quan chức năng có thẩm quyền đã ban hành một loạt các văn bản qui định và hướng dẫn thực hiện khá đầy đủ liên quan đến SHTT, trong đó có các văn bản liên quan đến bảo hộ SHTT giữa các trường ĐH, CĐ và DN tại Việt Nam. Để đáp ứng các yêu cầu về “tính đầy đủ” và “tính hiệu quả” của Hiệp định TRIPS của WTO về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ và các điều ước quốc tế song phương và đa phương khác về sở hữu trí tuệ, năm 2005 Việt Nam đã ban hành Luật Sở hữu trí tuệ, thay đổi toàn bộ cấu trúc của hệ thống các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam, chuyển từ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đơn hành với nhiều quy định còn thiếu tính thống nhất và đồng bộ thành một luật chuyên ngành thống nhất. Luật Sở hữu trí tuệ (được sửa đổi năm 2009) cùng với 17 nghị định quy định chi tiết, 19 thông tư và thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành góp phần đưa các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn của các điều ước quốc tế mà còn tiến gần hơn đến hệ thống sở hữu trí tuệ của

nhiều nước tiên tiến trên thế giới. Cũng tại Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH Luật sở hữu trí tuệ được ban hành và có hiệu lực ngày 25/6/2019 đã khắc phục những hạn chế và bổ sung thêm những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, phù hợp với điều ước quốc tế. Cụ thể hơn, trong Nghị định 22/2018/NĐ-CP ban hành ngày 23/02/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 (sau đây gọi chung là Luật sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan. Trong đó có quy định về việc “Đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Tăng cường giáo dục kiến thức về quyền tác giả, quyền liên quan trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo”. (Điều 4, Nghị định 22). Bên cạnh đó, tại Điều 3 và điểm b, khoản 2, Điều 10 Luật chuyển giao công nghệ 2017 và tại khoản 6, Điều 6, Luật Khoa học và công nghệ 2013 cũng có những quy định về chính sách của Nhà nước trong việc khuyến khích, tạo điều kiện phát triển khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ trong hoạt động gắn kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở đào tạo (các trường ĐH, CĐ) và tổ chức ứng dụng kết quả NCKH và phát triển công nghệ (DN).

Trong hoạt động giáo dục, tại Khoản 6, Điều 12 Luật giáo dục Đại học (sửa đổi, bổ sung một số điều luật 2018) và khoản 1, Điều 19 của Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và ban hành điều lệ trường đại học hay tại Điều 5, Khoản 1 Điều 14 của Quyết định số 19/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/6/2005 của Bộ GD&ĐT về hoạt động khoa học công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng; Điều 3, Điều 13 Quyết định 78/2008/QĐ-BGD&ĐT ban hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học cũng đã có những quy định về một số hoạt động SHTT trong hoạt động đào tạo của các trường ĐH, CĐ với doanh nghiệp như: xây dựng các chương trình hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tạo nhằm tạo ra tài sản trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học; Tổ chức phối hợp với các cơ quan khác trong việc thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ của cơ sở giáo dục đại học...

Đặc biệt, phát huy những thành quả đạt được của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 cũng như đáp ứng nhu cầu bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ của các DN, cộng đồng ngày càng gia tăng và sức ép cạnh tranh của công cuộc hội nhập kinh tế, quốc tế của Việt Nam, Thủ tướng

Chính phủ đã ký Quyết định số 1062/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình 68 giai đoạn 2016-2020. Trong đó, chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 tập trung vào 04 nhóm nội dung chính: *Một là*, Nâng cao năng lực tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về SHTT cho các viện nghiên cứu, các trường ĐH, CĐ và DN; *Hai là*, Hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù, chủ lực của địa phương trong đó tập trung hỗ trợ khai thác, áp dụng vào thực tiễn các sáng chế/giải pháp hữu ích của Việt Nam, hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm đặc thù của địa phương, sản phẩm làng nghề mang địa danh; *Ba là*, Tăng cường hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng cách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; *Bốn là*, Hỗ trợ bảo hộ và phát triển các thành quả sáng tạo của các nhà sáng chế không chuyên ở trong và ngoài nước đối với các sản phẩm quốc gia.

Mặc dù, hệ thống pháp luật Việt Nam đã và đang có những quy định về đào tạo SHTT và liên kết bảo hộ SHTT giữa trường ĐH và DN song các văn bản quy định về SHTT tại Việt Nam còn rất ít, thực tiễn đào tạo và bảo hộ SHTT tại các cơ sở giáo dục tại Việt Nam còn nhiều hạn chế, nhất là hoạt động liên kết bảo hộ SHTT giữa các trường ĐH, CĐ với DN hiện nay còn chưa thực sự hiệu quả. Hệ thống các trường ĐH, CĐ đào tạo SHTT như một chuyên ngành còn hạn chế. Những quy định về SHTT hiện nay còn chồng chéo, chưa cụ thể, rõ ràng đã gây nhiều cản trở cho hoạt động liên kết bảo hộ quyền SHTT giữa các trường ĐH, CĐ với DN tại Việt Nam.

### **3. Thực trạng liên kết bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa trường đại học, cao đẳng và các đơn vị, doanh nghiệp ở Việt Nam**

#### **3.1. Liên kết bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa trường đại học, cao đẳng và các đơn vị hiệp hội**

Luật SHTT năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009 đã quy định các loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học cụ thể sẽ được bảo hộ quyền tác giả, bao gồm các loại hình tác phẩm sau: Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác. Như vậy, có thể thấy trong các cơ sở giáo dục đại học thì đa dạng các loại hình tác phẩm như sản phẩm của đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ; Chương trình đào tạo, bộ tiêu chí

đánh giá, mô tả môn học, đề cương chi tiết môn học, đề cương bài giảng, tình huống nghiên cứu, đề thi tuyển sinh, ngân hàng đề thi; Chương trình máy tính, hệ thống phần mềm quản lý; Giáo trình, sách, báo cáo khoa học, các bài viết đã công bố trên website của trường và các đơn vị thuộc trường... Tuy nhiên trên thực tế không hẳn cơ sở giáo dục nào cũng nhận diện được hết các tác phẩm sáng tạo của trường mình nên rất dễ có nhiều hành vi xâm phạm, sao chép, sử dụng các tác phẩm ấy mà không hề có sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền. Tác phẩm được tạo ra trong các cơ sở giáo dục đại học có thể chia thành 2 nhóm: *Một là*, tác phẩm được tạo ra từ nhiệm vụ được giao từ trường hoặc hưởng ngân sách nghiên cứu từ nhà nước, trường, đơn vị trực thuộc trường; *Hai là*, tác phẩm được tạo ra chính từ công sức cũng như tư duy của cá nhân giảng viên, sinh viên. Như vậy, tùy thuộc vào cách thức, nguồn gốc tạo ra các tác phẩm mà theo quy định của Luật sẽ xác định tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả là khác nhau cũng như lợi ích được hưởng từ sự tư duy sáng tạo đó. Tuy nhiên các sản phẩm trí tuệ trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay đang bị xâm phạm. Theo số liệu thống kê từ liên minh quốc tế về sở hữu trí tuệ, mức độ vi phạm về tác phẩm ngôn ngữ ở nước ta chiếm tới 85-90%<sup>[19]</sup> và Việt Nam được xếp vào một trong những nước có mức vi phạm cao nhất thế giới. Bên cạnh đó, số liệu khảo sát của Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam VIETPRO tại hơn 60 cơ sở giáo dục trên cả nước cũng cho thấy tình trạng xâm phạm quyền tác giả ngày càng gia tăng mà trong đó hành vi xâm phạm phổ biến nhất là sao in tác phẩm. Mức độ sao chụp có xu hướng gia tăng từ bậc trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng đến đại học.

Hiện tại ở Việt Nam có 04 tổ chức đại diện bảo hộ SHTT cho các tác giả cụ thể:

- Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam - VCPMC: Đây là một tổ chức trực thuộc Hội Nhạc sĩ Việt Nam đại diện quản lý tập thể trong lĩnh vực âm nhạc. Chức năng của trung tâm này chính là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm âm nhạc Việt Nam.

- Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam - VLCC: Đây là tổ chức trực thuộc Hội Nhà văn Việt Nam quản lý tập thể trong lĩnh vực văn học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu quyền tác giả văn học Việt Nam.

- Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam - RIAV: Tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, được thành lập năm 2003 để bảo vệ nhà sản xuất băng đĩa âm thanh tại Việt Nam.

- Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam-VIETRRO: Tổ chức xã hội - nghề nghiệp nhằm góp phần thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, khai thác, sử dụng tác phẩm, phổ biến các giá trị văn hóa, khoa học và nghệ thuật tới công chúng.

Hiện nay, Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam VIETRRO là tổ chức quản lý tập thể quyền sao chép có thẩm quyền cấp phép sao chụp tác phẩm do VIETRRO quản lý trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. Dựa trên ủy quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, VIETRRO cấp phép sử dụng tác phẩm cho học sinh, sinh viên thông qua các trường chủ quản. Tuy nhiên số lượng hội viên là các trường đại học, cao đẳng, nhà nghiên cứu còn nhiều hạn chế.

**3.2. Liên kết bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa trường đại học và doanh nghiệp**

Kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quyết định số 1062/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020”, sau 3 năm triển khai thực hiện, chương trình đã đạt được những bước đột phá, dịch chuyển lớn về quan điểm tiếp cận đối với hoạt động bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ so với giai đoạn 2011-2015: đa dạng về chủ thể tham gia đề xuất (Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp lớn, hiệp hội doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường ĐH); phong phú về loại dự án; đầy đủ về lĩnh vực triển khai và toàn diện về nội dung (tất cả các nội dung được phê duyệt trong Chương trình đều có dự án đề xuất thực hiện). Trong năm 2016 - 2018, tổng số đơn vị tham gia “Chương trình 68” là 151 đơn vị, trong đó có 48 địa phương;

52 Tập đoàn, công ty; 09 hiệp hội; 38 Viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và các đơn vị khác. Sự tham gia Chương trình cho thấy ngành KH&CN nói chung và SHTT nói riêng đang từng bước khẳng định vai trò và vị thế quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội. Nhiều tập đoàn, DN lớn đã chủ động liên hệ, gặp gỡ, trao đổi với Cục SHTT để đề xuất các nhiệm vụ, đặt hàng tư vấn chuyên môn, hỗ trợ bảo hộ, quản trị và phát triển TSTT, ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN, sáng tạo. Tính đến nay đã có 147 đặt hàng, trong đó các địa phương của các tỉnh thành là 48 đặt hàng, 52 đặt hàng của doanh nghiệp, có 38 đặt hàng của viện trường, 9 đặt hàng của Hiệp hội, rải đều ra các nhóm dự án từ việc đào tạo, xây dựng mô hình tổ chức quản lý, quản trị tài sản trí tuệ nâng cao hiệu quả thực thi, có dự án về thiết kế các gói tra cứu thông tin để phục vụ doanh nghiệp. Cuối cùng là hỗ trợ áp dụng các sáng chế và tôn vinh các nhà sáng chế không chuyên. Hoạt động liên kết bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa trường ĐH, CĐ và DN ở Việt Nam trong những năm qua có nhiều kết quả nổi bật, được thể hiện qua các “vườn ươm doanh nghiệp công nghệ”, các sản phẩm nghiên cứu của các trường đại học sẽ được các doanh nghiệp làm các thủ tục đăng ký bản quyền, sáng chế... cụ thể ở *bảng 1*.

Kết quả số lượng trên thể hiện có thể thấy, hoạt động thực hiện liên kết bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa trường ĐH, CĐ với DN ở Việt Nam hiện nay còn ít. Mặc dù năm 2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có những quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

*Bảng 1. Thực trạng liên kết đào tạo và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giữa trường ĐH, CĐ và DN ở Việt Nam*

STT	Tên “vườn ươm”	Thời gian thành lập	Địa điểm thành lập	Đơn vị thực hiện	Lĩnh vực “vườn ươm”	Tình trạng hoạt động
1	Vườn ươm doanh nghiệp CRC - TOPICA	2004	Hà Nội	Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về quản lý - Đại học Bách Khoa Hà Nội	Công nghệ thông tin	Ngừng hoạt động
2	Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ Phú Thọ	2006	TP. Hồ Chí Minh	Trường Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh	Cơ khí - điện tử - viễn thông, công nghệ hóa học - thực phẩm, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu	Đang hoạt động
3	Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ - Trường Đại học Nông Lâm	2007	TP. Hồ Chí Minh	Trường Đại học Nông Lâm - TP. Hồ Chí Minh	Cơ khí nông lâm ngư nghiệp, công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp, chế biến bảo quản nông sản, thủy hải sản, lương thực thực phẩm, chế biến sản xuất cây trồng, con giống, các dịch vụ tư vấn, chuyển giao khoa học công nghệ	Đang hoạt động
4	Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ - Trường Đại học Cần Thơ	2014	Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ	Ươm tạo các sản phẩm khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, công nghệ sinh học	Đang hoạt động

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả)

trong cơ sở giáo dục ĐH. Song, đó chỉ là những quy định chung mang tính định hướng còn mỗi trường ĐH, CĐ lại xây dựng quy chế quản trị tài sản trí tuệ riêng phù hợp với hoạt động và lĩnh vực đặc thù của cơ sở mình. Trên thực tế, tính đến thời điểm hiện tại, hầu hết các trường ĐH, CĐ của Việt Nam đều chưa có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ cho đơn vị mình. Do đó, trong hệ thống giáo dục đã xảy ra tình trạng vi phạm luật sở hữu trí tuệ ở các trường ĐH, CĐ như: tình trạng các giáo trình, sách giảng dạy và nghiên cứu được photo và bán ngang nhiên và bừa bãi ở rất nhiều tại các quán photo. Với giá thành rẻ hơn rất nhiều lần một cuốn giáo trình tham khảo mà nội dung vẫn đảm bảo tại các quán photo đã thu hút lượng mua đông đảo từ sinh viên đã ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của tác giả, đồng thời cũng đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu của tác giả. Song, sinh viên hầu hết lại không hề ý thức được hành động đó đã vô tình xâm phạm đến quyền tác giả. Sự thiếu hụt kiến thức về sở hữu trí tuệ đang biến thế hệ tương lai của đất nước thành những kẻ tiếp tay cho việc xâm phạm quyền sở hữu của tác giả là chính những người thầy, cô của mình. Do đó, công tác giáo dục, đào tạo sở hữu trí tuệ mà trong đó có luật sở hữu trí tuệ trong trường học hiện nay đã được quan tâm, song chưa thực sự đem lại hiệu quả. Mặt khác, khi sinh viên ra trường, việc sao chép hay sử dụng “chất xám” của người khác vào công việc của mình mà chưa được sự cho phép của tác giả cũng không ít. Chính những lỗi hổng trong quản lý hoạt động SHTT hiện nay của các trường ĐH, CĐ đã trở thành rào cản hạn chế sự hợp tác giữa các trường ĐH, CĐ với các DN. Như vậy, có thể thấy, mặc dù hoạt động liên kết bảo hộ SHTT giữa các trường ĐH, CĐ và các DN ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế nhưng sau 3 năm triển khai thực hiện, chương trình 68 giai đoạn 2016 - 2020 đến nay có thể nói đã đạt được những bước đột phá, dịch chuyển lớn về quan điểm tiếp cận đối với hoạt động bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ tại Việt Nam.

#### **4. Một số đề xuất mô hình bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp ở Việt Nam**

##### **4.1. Về mặt chính sách**

Để nâng cao hiệu quả hoạt động liên kết bảo hộ SHTT giữa các trường ĐH, CĐ và các DN tại Việt Nam, cần sửa đổi, bổ sung một số Điều luật ở Luật SHTT, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Khoa học và công nghệ, Luật Giáo dục đại học... và các Nghị

định, Quyết định quy định về liên kết bảo hộ giữa các trường ĐH, CĐ và các DN, cụ thể:

- Hoàn thiện các cơ sở pháp lý quy định về quyền tác giả và quyền SHTT, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ các hoạt động liên kết bảo hộ SHTT ở trường ĐH và các DN nhằm thúc đẩy nghiên cứu quyền SHTT đối với từng nhóm sản phẩm KHCN do các tác giả, nhóm tác giả, đơn vị sáng tạo ra, đồng thời tạo động lực thúc đẩy các cá nhân tiến hành các hoạt động liên kết nghiên cứu, đào tạo, bảo hộ SHTT tại các trường ĐH, CĐ và DN. Đồng thời xây dựng các chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế, đặc biệt là thuế giá trị gia tăng với sản phẩm có tính chất thực nghiệm và qui mô nhỏ để hỗ trợ hoạt động liên kết đào tạo SHTT tại các trường ĐH, CĐ và DN.

- Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản dưới luật liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ cần sớm được hoàn thiện theo cơ chế giao khoán, đặt hàng kết quả đầu vào và thẩm định kết quả đầu ra của hoạt động liên kết đào tạo, bảo hộ SHTT giữa trường ĐH, CĐ và DN tại Việt Nam. Đồng thời, Luật SHTT cần có những quy định cụ thể về hoạt động giám định đối với quyền tác giả và các quyền liên quan đến tác giả để có những hành vi xử phạt đối với tình trạng xâm phạm quyền tác giả và các quyền liên quan đến tác giả, hạn chế hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các trường ĐH, CĐ và DN.

- Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) cần phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD-ĐT) để có thể đưa nội dung sở hữu trí tuệ đến với các trường đại học, xây dựng lực lượng giảng viên nguồn về sở hữu trí tuệ. Thực tế hiện nay cho thấy, nhiều cơ sở giáo dục, đào tạo cử nhân luật chưa đưa môn Luật SHTT vào môn học bắt buộc mà chỉ là môn học tự chọn. Do đó, hoạt động SHTT vẫn còn khá mới mẻ đối với học sinh, sinh viên và đại bộ phận người dân.

- Bộ KH&CN cần thực hiện một số dự án liên quan tới đào tạo chuyên sâu về SHTT, trong đó có dự án nâng cao nhận thức về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong cộng đồng sinh viên và doanh nghiệp khởi nghiệp. Các dự án này thực hiện thành công thì vấn đề nhân lực sở hữu trí tuệ sẽ đáp ứng được nhu cầu từ thực tế.

- Bộ GD-ĐT cần tạo ra sự thống nhất trong nhận thức về quan hệ giữa trường ĐH, CĐ và DN bằng việc ban hành các quy định chung. Trên cơ sở đó, các cơ sở đào tạo sẽ cụ thể hoá và tìm kiếm những con đường riêng phù hợp với đặc thù đào tạo của nhà trường. Đồng thời, Bộ GD-ĐT cần ban hành các văn bản pháp quy quy định về hoạt động đào tạo

SHTT, triển khai giảng dạy Luật SHTT như một chuyên ngành trong các trường ĐH, ban hành quy chế hoạt động của các đơn vị nghiên cứu SHTT và chuyển giao công nghệ trong trường đại học.

### **4.2. Đối với các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp**

- Các trường ĐH, CĐ cần cụ thể hóa Luật và các văn bản dưới luật quy định về liên kết đào tạo SHTT giữa các trường ĐH, CĐ và DN, đặc biệt là căn cứ “Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học của Bộ GD-ĐT ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2008” để nghiên cứu tình hình cụ thể của tổ chức và ban hành quy định, quy chế cụ thể của cơ sở mình.

- Thông qua các Hội nghị cộng tác viên, các “seminar” khoa học, các cơ sở đào tạo ĐH, CĐ cần có cơ chế để các chủ doanh nghiệp được tham gia vào quá trình biên soạn chương trình đào tạo sinh viên; tổ chức các Hội nghị, buổi giao lưu sinh hoạt ngoại khóa giữa DN và sinh viên của các trường ĐH, CĐ. Đây là cách thức rất hiệu quả để các nhà đào tạo nắm được những kiến thức chuyên môn, cũng như những tư chất mà DN rất cần đến ở những sinh viên tốt nghiệp.

- Các trường ĐH, CĐ cần thành lập Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo phục vụ DN ngay trong các trường ĐH với sự phối hợp hoạt động của cả nhà trường và DN; thường xuyên điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp, cần phải linh hoạt để nâng cao tính tự chủ, tính khác biệt và tính thích ứng của chương trình đào tạo của mỗi cơ sở đào tạo, tăng cường các tiết học thực hành, giảm bớt các tiết học lý thuyết khẳng định chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, đối tượng đào tạo là kết quả bàn bạc giữa nhà trường và DN. Các trường ĐH, CĐ cần tăng cường cho sinh viên tiếp cận DN từ khi còn đang được đào tạo trong nhà trường thông qua các đợt thực tập thực tế. Các trường ĐH, CĐ cũng có thể theo mô hình hệ thống đào tạo song trùng: Người lao động của DN vừa làm việc tại doanh nghiệp, vừa có 1 - 2 ngày trong một tuần được học lý thuyết tại các trường ĐH, CĐ. Và các doanh nghiệp có thể tham gia Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, tham gia giảng dạy một số học phần hoặc chuyên đề phù hợp với năng lực và thế mạnh của mình.

- Các trường ĐH, CĐ cần có cơ chế, xây dựng chủ trương tìm kiếm, đa dạng nguồn tài chính cho hoạt động liên kết đào tạo SHTT giữa các trường ĐH, CĐ và DN bằng cách liên hệ với các “cựu sinh viên” để tạo ra “mạng lưới liên kết” vững chắc và rộng lớn, để những cựu sinh viên đang làm việc tại

DN có liên hệ thường xuyên với chính cơ sở đào tạo họ, có thể thông qua tọa đàm trao đổi kinh nghiệm, đưa vào nội dung hoạt động của mình như là các seminar khoa học với chủ đề cụ thể phù hợp. Bên cạnh đó, DN có thể ký Hợp đồng tuyển dụng với một số sinh viên hiện đang học với những điều kiện cụ thể; hỗ trợ tài trợ kinh phí cho sinh viên xuất sắc trong học tập để nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu của sinh viên đồng thời phối hợp với Nhà trường tổ chức các cuộc thi theo những chủ đề SHTT nhất định, nhằm phát hiện năng lực của sinh viên vì mục đích phát triển doanh nghiệp, v.v...

### **5. Kết luận**

Xác định được nhu cầu khách quan xuất phát từ lợi ích liên kết đào tạo SHTT giữa trường ĐH, CĐ và DN, Chính phủ và các Bộ, UBND tỉnh, thành phố đã ban hành nhiều văn bản pháp quy có giá trị hỗ trợ cao, thúc đẩy các hoạt động sở SHTT phát triển. Song, trên thực tế, các hoạt động liên kết đào tạo sở hữu trí tuệ còn chưa đạt được hiệu quả. Những tồn tại và hạn chế còn nhiều nguyên nhân từ phía chủ quan của các DN, trường ĐH, CĐ và khách quan từ cơ chế chính sách của Nhà nước, trong đó có Luật SHTT. □

### **Tài liệu tham khảo**

1. Công ước Pa-ri (Paris) về Bảo hộ sở hữu công nghiệp.
2. Công ước Bơ-nơ (Berne) về Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật.
3. Công ước Rô-mê (Rome) về Bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng.
4. Công ước quốc tế UPOV về Bảo hộ giống cây trồng mới.
5. Công ước Xtốc-khôm (Stockholm) về việc thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).
6. Hiệp ước PCT về Hợp tác sáng chế/Thỏa ước và Nghị định thư Ma-đrít (Madrid) về Đăng ký quốc tế nhãn hiệu.
7. Hiệp định giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu và Hiệp định giữa Việt Nam và Hàn Quốc.
8. Hệ thống La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp.
9. Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi bổ sung 2009).
10. Luật Chuyển giao công nghệ 2017.
11. Luật Khoa học và công nghệ 2013.
12. Luật Giáo dục đại học (sửa đổi bổ sung 2018).
13. “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong cơ chế thị trường” - Nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình KHGD quốc gia do Trường ĐH Ngoại thương chủ trì.
14. Nghị định 22/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.
15. Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và ban hành điều lệ trường đại học.

(Xem tiếp trang 52)

mục; thuận tiện cho việc cung cấp điện, cấp, thoát nước, phòng cháy chữa cháy, an ninh và môi trường...

Bố trí máy móc, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm thực hành theo tiến trình thực hành đảm bảo có đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng...

#### 4.4. Dịch vụ hỗ trợ sinh viên

Tổ chức các buổi tư vấn cho sinh viên hiểu về các đặc điểm kỹ thuật của chương trình đào tạo, đơn vị sử dụng lao động nói chuyện về năng lực sinh viên tốt nghiệp, để tạo động lực thúc đẩy sinh viên yêu nghề, tự nguyện tham gia vào học tập, tạo nên học tập có chất lượng.

Ứng với chiến lược giảng dạy của giảng viên sẽ tạo ra phương pháp học tập của sinh viên. Vì thế, các nhà trường cần phải xây dựng chiến lược giảng dạy tạo thuận lợi và lôi kéo sinh viên tham gia vào quá trình học tập có chất lượng (nâng cao ý thức tự học).

Hướng dẫn sinh viên các phương pháp tổ chức học tập như: học nhóm; trao đổi nhóm, làm bài tập nhóm, tự học, tự nghiên cứu và lựa chọn các mục tiêu học tập thích hợp.

Thiết lập môi trường học tập phù hợp cho người trưởng thành, thoải mái, hỗ trợ, hợp tác và không gò bó.

#### 4.5. Về hoạt động hỗ trợ hành chính

Để nâng cao hiệu quả trong hỗ trợ hành chính cho sinh viên, nhà trường cần thực hiện hướng dẫn và tuyên truyền cho các cán bộ phòng ban thực hiện các văn bản một cách khoa học, rút ngắn thời gian giải quyết công việc. Do vậy, cần điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính để đảm bảo sự thống nhất, rõ ràng. Phải quy định rõ trách nhiệm cho từng cán bộ phòng ban.

Cần ban hành bộ quy định về quản lý hoạt động của nhà trường, trong đó có các quy định về tuyển dụng và sử dụng cán bộ, viên chức, quy định về công tác sinh viên, quy định về quản lý nguồn thu và quy chế chi tiêu nội bộ.

Cần thực hiện và triển khai cơ chế một cửa cho sinh viên để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc giải quyết các thủ tục hành chính một cách chính xác, nhanh gọn, đúng quy định. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và thông tư số: 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo ĐH và CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007*, Hà Nội.

2. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường ĐHTT ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ và sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg ngày 10/11/2011*, Hà Nội.
3. Nguyễn Tiến Hùng (2014), *Quản lý chất lượng trong Giáo dục*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.
4. Green và Harvey (1993) "Defining Quality", *Assessment and Evaluation in Higher Education*, 18.
5. Nguyễn Thành Long, 2006, "Sử dụng thang đo serverperf để đánh giá chất lượng đào tạo Đại học tại trường Đại học An Giang".
6. Phạm Lê Hồng Nhung (2012), *thuộc trường Đại học Cần Thơ "Kiểm định thang đo CLDV trong đào tạo Đại học - Trường hợp nghiên cứu tại các trường Đại học tư thục khu vực Đồng bằng sông Cửu Long"*.

## LIÊN KẾT BẢO HỘ SỞ HỮU TRÍ TUỆ...

(Tiếp theo trang 44)

16. Quyết định số 19/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/6/2005 của Bộ GD&ĐT về hoạt động khoa học công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng.
17. Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ban hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học.
18. Quyết định số 1062/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình 68 giai đoạn 2016-2020.
19. WIPO (2019), *Intellectual Property Handbook*.
20. Đinh Hữu Phí, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, "Nâng cao hiệu quả của hoạt động sở hữu trí tuệ ở nước ta để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế", *Tạp chí Công sản*. <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2019/53690/Nang-cao-hieu-qua-cua-hoat-dong-so-huu-tri-tue-o.aspx> đăng ngày 02/01/2019, truy cập lần cuối ngày 03/9/2019.
21. Hiệu quả từ chương trình phát triển sở hữu trí tuệ", *Trang thông tin điện tử, Sở khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Bình* <http://khcnninhbinh.gov.vn/sokhcn-ninhbinh/1224/27491/38540/99746/Tin-KH-CN-trong-nuoc/Hieu-qua-tu-Chuong-trinh-phat-trien-tai-san-tri-tue.aspx> đăng ngày 15/01/2019, truy cập lần cuối ngày 03/9/2019.
22. Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thành Khang, "Quản trị tài sản trí tuệ ở các trường Đại học ở Việt Nam", <http://www.vjol.info.vn/index.php/tckhvl/article/viewFile/26873/23019> truy cập lần cuối 03/9/2019
23. Tiểu My, "Gắn đào tạo lao động với nhu cầu của doanh nghiệp", *Báo Bình Dương online* <http://baobinhduong.vn/gan-dao-cao-lao-dong-voi-nhu-cau-cua-doanh-nghiep-a165074.html> đăng ngày 28/7/2017, truy cập lần cuối ngày 03/9/2019.
24. Quản lý tài sản trí tuệ trong các trường Đại học có đào tạo về kinh tế và quản lý <http://www.tuvanluat.com.vn/tin-du-an/dau-tai-phap-luat/ho-tro-phap-luat/mua-ban-doanh-nghiep/quan-ly-tai-san-tri-tue-trong-cac-truong-dai-hoc>.
25. PCT Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam: "Phải mạnh tay dẹp nạn vi phạm tác quyền" <https://petrotimes.vn/pct-hiep-hoi-quyen-sao-chep-viet-nam-phai-manh-tay-dep-nan-vi-pham-tac-quyen-112137>.